Người ký: Trung tâm Công báo - Tin học
Email: ttth@lamdong.gov.vn
Cơ quan: Văn phòng Đoàn ĐBQH - HĐND và UBND, Tỉnh Lâm Đồng
Thời gian ký: 27.10.2020 16:33:31 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2276/QĐ-UBND	*Lâm Đồng, ngày 12 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Đạ Huoai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đạ Huoai (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 13/5/2019): theo Phụ lục 1 đính kèm (Phụ lục 1 tại Quyết định này thay thế Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 1051/QĐ-UBND nêu trên).

2. Bổ sung kế hoạch thu hồi, giao đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Đạ Huoai (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 19/3/2020): theo Phụ lục 2 đính kèm.

3. Các nội dung khác tại các Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 13/5/2019, 519/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của UBND tỉnh nêu trên không thay đổi.

Điều 2. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nội vụ, Chủ tịch UBND huyện Đạ Huoai và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Đoàn Văn Việt

Phụ lục 1: Diện tích cơ cấu các loại đất huyện Đạ Huoai

(Đính kèm Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2015		Quy hoạch đến năm 2020			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích cấp tỉnh phân bổ	Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung (ha)	Diện tích (ha)	Cơ Cấu (%)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(5)+(6)*	*(8)*
	Tổng diện tích	**49.556**	**100,00**	**49.556**		**49.556**	**100,00**
1	**Đất nông nghiệp**	**47.012**	**94,87**	**46.195**		**46.195**	**93,22**
1.1	Đất trồng lúa	228	0,46	200		200	0,40
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*66*	0,13	66		66	0,13
	Đất trồng cây hàng năm khác	628	1,27	628		628	1,27
1.3	Đất trồng cây lâu năm	14.543	29,35	12.721		12.721	25,67
1.4	Đất rừng phòng hộ	8.734	17,62	9.943	1	9.944	20,07
1.5	Đất rừng sản xuất	22.836	46,08	22.604	-1	22.603	45,61
1.6	Đất nuôi trồng thuỷ sản	23	0,05	70	-55	15	0,03
1.7	Đất nông nghiệp khác	20	0,04			84	0,17
2	**Đất phi nông nghiệp**	**2.049**	**4,14**	**3.264**		**3.264**	6,59
2.1	Đất quốc phòng	121	0,24	276		276	0,56
2.2	Đất an ninh	1	0,00	4		4	0,01
2.3	Đất cụm công nghiệp		0,00	60		60	0,12
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	81	0,16	82		82	0,17
2.5	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	76	0,15	*110*	*-1*	*109*	*0,22*
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	611	1,23	1.371		1.371	2,77
	Đất cơ sở văn hóa	*5*	0,01	*64*		*64*	0,13
	Đất cơ sở y tế	*3*	0,01	*6*		*6*	0,01
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	*28*	0,06	*31*		*31*	0,06
	Đất cơ sở thể dục - thể thao	*13*	0,03	*212*		*212*	0,43
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	9	0,02	30		30	0,06
2.8	Đất ở tại nông thôn	164	0,33	196		196	0,40
2.9	Đất ở tại đô thị	84	0,17	89		89	0,18
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	13	0,03	16		16	0,03
2.11	Đất cơ sở tôn giáo	3	0,01	*3*	*1*	*4*	*0,01*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2015		Quy hoạch đến năm 2020			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích cấp tỉnh phân bổ	Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung (ha)	Diện tích (ha)	Cơ Cấu (%)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(5)+(6)*	*(8)*
2.12	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	47	0,10	70		70	0,14
2.13	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	83	0,17		148	148	0,30
2.14	Đất sinh hoạt cộng đồng	5	0,01		6	6	0,01
2.15	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	1	0,00		55	55	0,11
2.16	Đất cơ sở tín ngưỡng	1	0,00		1	1	0,00
2.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	723	1,46		720	720	1,45
2.18	Đất có mặt nước chuyên dùng	26	0,05		26	26	0,05
2.19	Đất phi nông nghiệp khác	1	0,00		1	1	0,00
3	**Đất chưa sử dụng**	**495**	**1,00**	**97**		**97**	**0,20**
4	**Đất đô thị***	**6.678**			**6.678**	**6.678**	**13,48**

Phụ lục 2: BỔ SUNG CÔNG TRÌNH (DỰ ÁN) GIAO ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẠ HUOAI

(Đính kèm Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: m^2

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Sử dụng từ loại đất		Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Văn bản quyết định chủ trương đầu tư, ghi chú
					Đất sản xuất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp		
A	**CÔNG TRÌNH GIAO ĐẤT**	**10.000,0**		**10.000,0**	**9.700,0**	**300,0**		
I	**Huyện Đạ Huoai**	**10.000,0**		**10.000,0**	**9.700,0**	**300,0**		
1	Ban trị sự giáo hội phật giáo Việt Nam tỉnh Lâm Đồng (chùa Đại Tùng Lâm Hoa Sen)	10.000,0		10.000,0	9.700,0	300,0	thị trấn Đạ M'Ri	thu hồi, giao đất (đất do người dân hiến)
Tổng cộng		**10.000,0**		**10.000,0**	**9.700,0**	**300,0**		